

HỌ VÀ TÊN HS:

LỚP:

Tuần 2

Thời gian: Từ ngày 13/9 đến 17/9/2021

Tiết 1

Unit 1 Lesson B4,5,6

I. New words:

- far (adj) xa > < near (adj) gần
- distance (n) khoảng cách
- bus stop (n) trạm xe buýt
- movie theater (n) rạp chiếu phim
- post office (n) bưu điện
- How far? Bao xa?

II. Structure: Hỏi khoảng cách

How far is it from _____ to _____?
It's _____ meter/ kilometer
Ex: How far is it from your house to school?
It's one kilometer.

Tiết 2

Exercise (Bài tập)

I. Comparison (So sánh hơn)

So sánh hơn với tính từ ngắn (short, tall, long, big,.....)

$S_1 + \text{am/ is/ are} + \text{ADJ-er} + \text{than} + S_2$
Ex: I am taller than my sister.

1. **Biến đổi các tính từ sau sang dạng so sánh hơn.**

short	shorter
tall	
big	
small	
long	
strong	
weak	

2. Viết các câu sau ở dạng so sánh hơn.

a) Lan/ tall/ Hoa.

b) This bag/ big/ that bag.

c) These houses/ small/ those houses.

d) My father/ strong/ my mother.

e) Lan's ruler/ long/ my ruler.

f) This book/ thick/ that book.

II. Hỏi khoảng cách

<p>How far is it from _____ to _____ ? What is the distance between _____ and _____ ?</p>

1. Đặt câu hỏi How far? với các từ gợi ý sau:

Ex: your house/ your school _ How far is it from your house to your school?

a) your house / the hospital

_____?

b) your house/ the bus stop

_____?

c) your house/ the market

_____?

d) the bus stop/ the movie theater

_____?

e) here/ the airport

_____?

2. Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi.

1. How far is it from your house to the zoo?

What is the _____?

2. How far is it from the bank to the supermarket?

What is the _____?

3. What is the distance between your house and Nga's house?

How far is _____?

4. What is the distance between the stadium and the hospital?

How far is _____?

Tiết 3

Unit 2 Lesson: A3,4

I. New words:

- telephone number (n) số điện thoại
- address (n) địa chỉ
- call (v) gọi
- tomorrow: ngày mai
- will : sẽ

II. Grammar: The future simple tense (Thì tương lai đơn)

- Thì tương lai đơn dùng để diễn tả sự việc xảy ra trong tương lai.
- Dấu hiệu: tomorrow, next,...
- Công thức:

Affirmative form:

S + will + V

Ex: I will do my homework tomorrow.

Negative form:

S + will not/ won't + V

Ex: He won't be late.

Interrogative form:

Will + S + V?

Yes, S + will

No, S + won't

Ex: Will you be free tonight?

Wh-question with "will"

Wh-question + will + S + V?

Dặn dò: Các em ghi bài đầy đủ và làm bài tập.